

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2019

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẬN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019	6 - 9
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	10
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	11 - 12
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019	13 - 39

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 10 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 05 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 05 vào ngày 06 tháng 4 năm 2018 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Võ Đắc Thiệu	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 3 năm 2019
Ông Phùng Ngọc Minh	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019
Ông Trịnh Văn Mọi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Trần Quang Thảo	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Ông Đoàn Phi	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Đỗ Xuân Minh	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019
Ông Nguyễn Năng Toàn	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 28 tháng 02 năm 2019

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Bà Mai Thị Trâm	Trưởng ban	Tái bổ nhiệm ngày 24 tháng 4 năm 2015
Bà Trần Hồng Diễm	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018
Ông Ngô Đa Nghiêm Minh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 5 năm 2018

Head Office : 02 Truong Son St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Tel: +84 (028) 3547 2972 Fax: +84 (028) 3547 2970 kttv@a-c.com.vn
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City, Vietnam
Tel: +84 (024) 3736 7879 Fax: +84 (024) 3736 7869 kttv.hn@a-c.com.vn
Branch in Nha Trang : Lot STH 06A.01, Le Hong Phong II Urban Area, Phuoc Hai Ward, Nha Trang City, Vietnam
Tel: +84 (0258) 246 5151 Fax: +84 (0258) 246 5806 kttv.nt@a-c.com.vn
Branch in Can Tho : I5-13 Vo Nguyen Giap St., Cai Rang Dist., Can Tho City, Vietnam
Tel: +84 (0292) 376 4995 Fax: +84 (0292) 376 4996 kttv.ct@a-c.com.vn

Số: 2.0069/20/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 27 tháng 2 năm 2020, từ trang 06 đến trang 39, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2018-008-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 2 năm 2020

Vũ Minh Khôi - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

002
NH
TY
HỮU H
TƯ V
C
NỘI
TP. H

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		305.214.531.655	255.140.439.564
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	145.094.324.478	133.755.248.121
1. Tiền	111		15.094.324.478	6.755.248.121
2. Các khoản tương đương tiền	112		130.000.000.000	127.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.000.000.000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	30.000.000.000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		120.745.914.178	111.327.965.684
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	80.532.247.618	103.132.875.126
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	37.224.981.658	1.241.410.732
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	6.030.894.278	8.521.518.629
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(3.042.209.376)	(1.567.838.803)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		1.616.686.938	1.778.802.647
1. Hàng tồn kho	141	V.7	1.616.686.938	1.778.802.647
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.757.606.061	8.278.423.112
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	7.757.606.061	8.278.423.112
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		189.347.131.998	230.196.960.204
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	174.097.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	174.097.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		152.066.047.161	198.554.267.784
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	146.895.628.580	193.957.211.248
Nguyên giá	222		462.251.053.856	467.320.075.135
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(315.355.425.276)	(273.362.863.887)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	5.170.418.581	4.597.056.536
Nguyên giá	228		9.161.846.930	6.909.932.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.991.428.349)	(2.312.876.264)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
Nguyên giá	231		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.11	5.948.450.045	2.827.872.954
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.948.450.045	2.827.872.954
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		28.100.000.000	24.080.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	28.100.000.000	23.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	1.080.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		3.232.634.792	4.560.722.466
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	2.329.385.094	3.492.019.511
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.12	903.249.698	1.068.702.955
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		494.561.663.653	485.337.399.768

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		171.010.953.372	174.403.139.218
I. Nợ ngắn hạn	310		131.558.471.626	109.327.053.969
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	50.878.708.755	37.942.509.025
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		218.880.217	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.930.426.324	4.933.042.211
4. Phải trả người lao động	314		33.180.326.718	26.290.483.465
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	4.516.248.492	5.343.514.777
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	8.414.393.372	6.892.401.213
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17a	18.143.316.493	21.050.690.040
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	10.276.171.255	6.874.413.238
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		39.452.481.746	65.076.085.249
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	22.330.000
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17b	39.452.481.746	65.053.755.249
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		323.550.710.281	310.934.260.550
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	323.550.710.281	310.934.260.550
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		149.982.580.000	149.982.580.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		149.982.580.000	149.982.580.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		50.294.552.415	43.891.835.320
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		123.273.577.866	117.059.845.230
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		81.555.452.013	117.059.845.230
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		41.718.125.853	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		494.561.663.653	485.337.399.768

Lập, ngày 27 tháng 2 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	601.254.671.079	583.780.236.169
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		601.254.671.079	583.780.236.169
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	464.508.477.148	470.956.841.719
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		136.746.193.931	112.823.394.450
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	12.053.836.523	9.362.761.402
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	6.596.443.412	9.414.722.000
Trong đó: chi phí lãi vay	23		6.573.560.485	9.412.895.305
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	8.856.975.357	4.440.800.892
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	50.622.117.454	37.584.699.797
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		82.724.494.231	70.745.933.163
11. Thu nhập khác	31	VI.7	814.585.358	1.560.317.910
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.525.999.260	1.626.152.725
13. Lợi nhuận khác	40		(711.413.902)	(65.834.815)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		82.013.080.329	70.680.098.348
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	17.820.456.124	14.493.487.140
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	165.453.257	(216.707.346)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		64.027.170.948	56.403.318.554
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	-	-

Lập, ngày 27 tháng 2 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	82.013.080.329	70.680.098.348
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02 VI.11	49.278.894.555	49.380.879.429
- Các khoản dự phòng	03 VI.6	1.474.370.573	1.438.682.799
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04 VI.4	6.829.087	1.702.844
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.678.759.089)	(9.491.438.500)
- Chi phí lãi vay	06 VI.4	6.573.560.485	9.412.895.305
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	127.667.975.940	121.422.820.225
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(10.005.366.993)	(11.622.912.044)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	162.115.709	276.543.897
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	20.293.818.306	(20.122.495.356)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	1.683.451.468	(1.412.748.118)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(6.573.560.485)	(9.412.895.305)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15 V.14	(16.401.704.983)	(14.599.925.270)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16 V.18	158.000.000	128.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17 V.18	(18.170.447.200)	(11.298.619.167)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	98.814.281.762	53.357.768.862
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(7.140.812.352)	(7.180.878.327)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	857.298.618	280.262.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(30.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(4.020.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11.338.194.398	9.326.464.803
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(28.965.319.336)	2.425.849.021

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	minh	Năm nay	Năm nay
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.17	(28.508.647.050)	(37.781.000.338)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(29.996.516.000)	(26.640.221.900)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(58.505.163.050)	(64.421.222.238)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		11.343.799.376	(8.637.604.355)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	133.755.248.121	142.394.469.489
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(4.723.019)	(1.617.013)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	145.094.324.478	133.755.248.121

Lập, ngày 27 tháng 2 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Trần Quang Thảo

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Hoạt động của các đại lý làm thủ tục hải quan, các đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,50%	57,50%	57,50%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51,00%	51,00%	51,00%

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có 433 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 462 nhân viên).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND), do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên kết bị lỗ, với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có tại ngày kết thúc năm tài chính nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty con, công ty liên kết. Nếu công ty con, công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Hàng tồn kho của công ty chỉ bao gồm nguyên vật liệu tồn kho. Giá gốc nguyên vật liệu được xác định như sau: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa tài sản cố định và chi phí bảo hiểm. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm đã ký.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 5
Tài sản cố định khác	3 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức được chia

Cổ tức được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.229.149.316	2.266.806
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.865.175.162	6.752.981.315
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	130.000.000.000	127.000.000.000
Cộng	<u>145.094.324.478</u>	<u>133.755.248.121</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng cổ phiếu</u>	<u>Giá trị</u>
Đầu tư vào Công ty con		28.100.000.000		23.000.000.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái ⁽ⁱ⁾	2.300.000	23.000.000.000	2.300.000	23.000.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾	510.000	5.100.000.000	-	-
Đầu tư vào Công ty liên kết		-		1.080.000.000
Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực ⁽ⁱⁱ⁾	-	-	-	1.080.000.000
Cộng		<u>28.100.000.000</u>		<u>24.080.000.000</u>

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0310151760 ngày 13 tháng 07 năm 2010 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 5 ngày 07 tháng 8 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái 23.000.000.000 VND (2.300.000 cổ phần) tương đương 57,50% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết, không thay đổi so với đầu năm.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 6 ngày 21 tháng 11 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực (trước đây là Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực) 5.100.000.000 VND, tương ứng 510.000 cổ phần, sở hữu 51% vốn điều lệ. Trong năm, Công ty đã góp thêm 4.020.000.000 VND vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ số vốn cam kết (Số đầu năm: 1.080.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ).

Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực chuyển từ công ty liên kết thành công ty con kể từ ngày 31 tháng 12 năm 2019.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình hoạt động của công ty con

Công ty con đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Giao dịch với các công ty con và công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với công ty con và công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty con	1.096.315.776	2.390.554.267
Sử dụng dịch vụ của Công ty con	57.158.438.520	61.367.147.552
Công ty con chia cổ tức	3.450.000.000	2.760.000.000

Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực

(Các giao dịch sau đây đều diễn ra trong giai đoạn Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực là công ty liên kết)

Cung cấp dịch vụ cho công ty liên kết	1.630.262.987	1.552.001.317
Sử dụng dịch vụ của công ty liên kết	360.733.200	578.988.000
Công ty liên kết thanh toán cổ tức	723.600.000	507.600.000

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải thu các bên liên quan	42.714.146.657	59.717.025.429
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	34.654.496.333	55.319.320.860
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	469.097.093	551.676.702
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	1.040.352.831	551.702.524
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	258.516.050	179.296.300
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.919.071.100	2.046.081.245
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	37.481.250	39.408.200
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	-	532.990.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	-	18.425.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	-	478.124.598
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	4.335.132.000	233.475.000
Phải thu các khách hàng khác	37.818.100.961	43.182.374.697
Các khách hàng khác	37.818.100.961	43.182.374.697
Cộng	80.532.247.618	103.132.875.126

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Hiệp Lực	27.021.024.000	-
Công ty Cổ phần Xây dựng T.C.O.N.S	9.572.000.000	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đường Cao tốc Việt Nam	235.320.008	700.832.732
Công ty TNHH Bảo hiểm Nhân thọ Generali Việt Nam	-	376.653.000
Các nhà cung cấp khác	396.637.650	163.925.000
Cộng	37.224.981.658	1.241.410.732

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	819.900.685	-	1.232.363.086	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn – Tiền ăn ca, phí làm hàng	638.860.600	-	509.026.745	-
Các khoản chi hộ:	181.040.085	-	723.336.341	-
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái</i>	<i>162.183.085</i>	-	<i>699.771.341</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng – Tây Ninh</i>	<i>-</i>	-	<i>23.565.000</i>	-
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>	<i>18.857.000</i>	-	<i>-</i>	-
<i>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.210.993.593	-	7.289.155.543	-
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.337.879.458	-	625.052.056	-
Tạm ứng	2.806.839.215	-	3.771.025.999	-
Ký cược, ký quỹ	88.600.000	-	157.500.000	-
Các khoản chi hộ	943.113.157	-	2.733.989.038	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	34.561.763	-	1.588.450	-
Cộng	6.030.894.278	-	8.521.518.629	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Nợ xấu	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Công ty TNHH Instant Transportation Việt Nam	dưới 1 năm	4.510.000	dưới 1 năm	96.007.662
	từ 1 đến dưới 2 năm	130.895.662		-
Công ty TNHH Thông Quan	dưới 1 năm	463.320.000		-
	từ 1 đến dưới 2 năm	460.620.000		-
Công ty TNHH TM DV Hải Lưu	từ 1 đến dưới 2 năm	516.997.000	dưới 1 năm	402.160.000
Công ty TNHH TM&DV Giao nhận Vận tải Haco	từ 1 đến dưới 2 năm	460.527.000		-
Công ty TNHH TMDV Thái Thành Đạt	từ 1 đến dưới 2 năm	176.460.000		-
Công ty TNHH Vận tải Giao nhận PT	từ 1 đến dưới 2 năm	73.835.000		-
Công ty Cổ phần Thương mại Toàn cầu LVL	từ 1 đến dưới 2 năm	39.270.000		-
Công ty Cổ phần Lime Logistics	từ 2 đến dưới 3 năm	151.040.000	từ 1 đến dưới 2 năm	161.040.000
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	từ 2 đến dưới 3 năm	2.267.425.000	từ 1 đến dưới 2 năm	2.417.425.000
Công ty TNHH Liên kết Vận tải Quốc tế Saigon Group	từ 2 đến dưới 3 năm	151.000.000		-
Công ty TNHH SX TMDV XNK Phương Nam	từ 2 đến dưới 3 năm	63.966.487		-
Công ty TNHH Asian Groupage Servicers VN	trên 3 năm	129.156.004	trên 3 năm	129.156.004
Cộng		5.089.022.153		3.205.788.666
		2.046.812.777		1.637.949.863

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	1.567.838.803	129.156.004
Trích lập dự phòng bổ sung	1.474.370.573	1.438.682.799
Hoàn nhập dự phòng	-	-
Số cuối năm	<u>3.042.209.376</u>	<u>1.567.838.803</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
Nguyên liệu, vật liệu	1.616.686.938	-	1.778.802.647	-

8. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn**8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	908.482.990	1.311.848.473
Chi phí sửa chữa	-	1.342.810.603
Chi phí bảo hiểm	4.046.802.849	4.351.713.142
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	2.802.320.222	1.272.050.894
Cộng	<u>7.757.606.061</u>	<u>8.278.423.112</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	399.732.245	1.267.848.751
Chi phí sửa chữa	1.623.670.903	1.893.387.814
Các chi phí trả trước dài hạn khác	305.981.946	330.782.946
Cộng	<u>2.329.385.094</u>	<u>3.492.019.511</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Số đầu năm	142.597.626.866	163.611.384.584	108.871.406.398	4.936.571.654	47.303.085.633	467.320.075.135
Mua trong năm	-	-	657.045.455	-	-	657.045.455
Đầu tư XDCB hoàn thành	1.099.766.815	-	-	-	11.508.861	1.111.275.676
Thanh lý nhượng bán	(6.557.660.409)	-	-	(238.313.184)	(41.368.817)	(6.837.342.410)
Số cuối năm	137.139.733.272	163.611.384.584	109.528.451.853	4.698.258.470	47.273.225.677	462.251.053.856

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	608.856.795	60.372.506.384	5.733.222.636	4.632.113.015	13.587.096.312	84.933.795.142
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	55.106.240.152	119.076.475.171	67.227.145.963	4.879.613.069	27.073.389.532	273.362.863.887
Khấu hao trong năm	10.422.600.402	13.396.709.502	15.625.201.282	22.048.488	8.133.782.796	47.600.342.470
Thanh lý, nhượng bán	(5.328.099.080)	-	-	(238.313.184)	(41.368.817)	(5.607.781.081)
Số cuối năm	60.200.741.474	132.473.184.673	82.852.347.245	4.663.348.373	35.165.803.511	315.355.425.276

Giá trị còn lại

Số đầu năm	87.491.386.714	44.534.909.413	41.644.260.435	56.958.585	20.229.696.101	193.957.211.248
Số cuối năm	76.938.991.798	31.138.199.911	26.676.104.608	34.910.097	12.107.422.166	146.895.628.580

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng

Đang chờ thanh lý

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 123.060.361.021 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	Nguyên giá	Giá trị hao mòn	Giá trị còn lại
Số đầu năm	6.909.932.800	(2.312.876.264)	4.597.056.536
Tăng do mua sắm trong năm	2.251.914.130	-	2.251.914.130
Khấu hao trong năm	-	(1.678.552.085)	(1.678.552.085)
Số cuối năm	9.161.846.930	(3.991.428.349)	5.170.418.581

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 242.395.000 VND.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định		5.519.745.585	(2.908.959.585)	2.610.786.000
Xây dựng cơ bản dở dang	2.827.872.954	1.621.066.767	(1.111.275.676)	3.337.664.045
<i>Công trình nhà kho 2 tầng tại Cảng Cát Lái</i>	2.398.465.181	-	-	2.398.465.181
<i>Công trình kho 6</i>	429.407.773	509.791.091	-	939.198.864
<i>Công trình mở rộng văn phòng kho 5</i>	-	33.316.364	(33.316.364)	-
<i>Nhà nghỉ công nhân</i>	-	814.563.139	(814.563.139)	-
<i>Nhà vệ sinh bãi kiểm hóa</i>	-	263.396.173	(263.396.173)	-
Cộng	2.827.872.954	7.140.812.352	(4.020.235.261)	5.948.450.045

12. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

12a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.068.702.955	851.995.609
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	(165.453.257)	216.707.346
<i>Phát sinh trong năm</i>	903.249.698	1.068.702.955
<i>Hoàn nhập trong năm</i>	(1.068.702.955)	(851.995.609)
Số cuối năm	903.249.698	1.068.702.955

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

12b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**13. Phải trả người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	29.524.314.161	26.490.038.357
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	9.525.064.300	6.994.327.695
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	231.408.540	128.862.360
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	11.586.595.065	10.283.952.903
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	-	685.379.719
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	2.733.309.542	1.674.929.138
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	3.213.770.930	1.149.483.500
Công ty TNHH Phát triển nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	76.250.000	30.147.942
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	56.868.669	68.002.605
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	-	495.464.960
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.074.795.150	898.752.950
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	22.608.300	74.606.400
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	121.730.950	266.851.750
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	-	1.516.565.750
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	-	25.410.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	56.222.100	168.683.900
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Bình Dương	604.065.000	1.065.009.000
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	221.625.615	696.834.521
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	-	266.773.264
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	21.354.394.594	11.452.470.668
Các nhà cung cấp khác	21.354.394.594	11.452.470.668
Cộng	50.878.708.755	37.942.509.025

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã thực nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	2.470.166.355	30.026.676.312	(30.432.305.275)	2.064.537.392
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.520.720.282	17.820.456.124	(16.401.704.983)	2.939.471.423
Thuế thu nhập cá nhân	942.155.574	4.769.522.790	(4.841.505.629)	870.172.735
Các loại thuế khác	-	59.244.774	(3.000.000)	56.244.774
Cộng	4.933.042.211	52.675.900.000	(51.678.515.887)	5.930.426.324

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	82.013.080.329	70.680.098.348
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	11.262.800.290	5.054.937.351
- Các khoản điều chỉnh tăng	16.608.017.911	9.314.915.397
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>12.087.074.072</i>	<i>3.969.697.776</i>
<i>Chi phí trích trước chưa có hóa đơn chứng từ</i>	<i>4.516.248.492</i>	<i>5.343.514.777</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện tiền và các khoản phải thu cuối năm</i>	<i>4.695.347</i>	<i>1.702.844</i>
- Các khoản điều chỉnh giảm	(5.345.217.621)	(4.259.978.046)
<i>Chi phí trích trước năm trước năm nay đã có hóa đơn chứng từ</i>	<i>(5.343.514.777)</i>	<i>(4.259.978.046)</i>
<i>Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu cuối năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>	<i>(1.702.844)</i>	-
Thu nhập chịu thuế	93.275.880.619	75.735.035.699
Thu nhập được miễn thuế (cổ tức được chia)	(4.173.600.000)	(3.267.600.000)
Thu nhập tính thuế	89.102.280.619	72.467.435.699
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>17.820.456.124</u>	<u>14.493.487.140</u>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	2.258.626.928	1.716.137.307
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước	2.258.626.928	1.634.892.694
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng - Chi phí vận chuyển, nâng hạ	-	81.244.613
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	2.257.621.564	3.627.377.470
Chi phí bốc xếp, vận chuyển	29.077.273	2.519.723.500
Chi phí cho người lao động	935.115.692	658.989.915
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.293.428.599	448.664.055
Cộng	4.516.248.492	5.343.514.777

16. Phải trả ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả bên liên quan	-	59.370.000
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca	-	59.370.000
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	8.414.393.372	6.833.031.213
Kinh phí công đoàn	1.068.318.317	840.118.190
Bảo hiểm xã hội	1.577.820.034	1.920.878.874
Bảo hiểm y tế	102.478.025	68.426.623
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.559.900.991	294.076.640
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	1.932.674.950	1.733.868.150
Tiền hoa hồng môi giới	55.050.487	65.371.284
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	2.118.150.568	1.910.291.452
Cộng	8.414.393.372	6.892.401.213

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

17. Vay ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn

Công ty chỉ có khoản vay dài hạn đến hạn trả Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú. (xem thuyết minh V.17b).

Công ty có khả năng trả được khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết số phát sinh về khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	21.050.690.040	28.876.936.720
Số tiền vay phát sinh	-	-
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	18.143.316.493	21.050.690.040
Số tiền vay đã trả	(21.050.690.040)	(28.876.936.720)
Số cuối năm	18.143.316.493	21.050.690.040

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17b. Vay dài hạn

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú theo các hợp đồng vay trong năm 2014, 2015, 2016, 2017 để xây dựng tòa nhà văn phòng, xây dựng kho CFS tại Cảng Cát Lái, mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 5 năm đến 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất từ 7,9% đến 9,2%/ năm. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ khoản vay (xem thuyết minh số V.9) và Quyền khai thác lô đất theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng số 1989/KHKT-TC ngày 19 tháng 10 năm 2010 và phụ lục số 04-1989/PLHĐ ngày 15 tháng 3 năm 2014 - Thuê đất xây dựng kho ký giữa Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn đến năm 2025, quyền khai thác dự án kho CFS hình thành từ vốn vay và vốn tự có và toàn bộ máy móc thiết bị hình thành từ vốn vay.

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 1 năm trở xuống	18.143.316.493	21.050.690.040
Trên 1 năm đến 5 năm	38.389.073.636	55.483.157.139
Trên 5 năm	1.063.408.110	9.570.598.110
Cộng	<u>57.595.798.239</u>	<u>86.104.445.289</u>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	65.053.755.249	95.008.508.907
Số tiền vay đã trả	(7.457.957.010)	(8.904.063.618)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(18.143.316.493)	(21.050.690.040)
Số cuối năm	<u>39.452.481.746</u>	<u>65.053.755.249</u>

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u>	<u>Tăng khác</u>	<u>Chi quỹ trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Quỹ khen thưởng	3.535.820.544	3.203.902.430	158.000.000	(3.540.700.000)	3.357.022.974
Quỹ phúc lợi	3.087.092.694	17.728.349.787	-	(14.378.247.200)	6.437.195.281
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	251.500.000	481.953.000	-	(251.500.000)	481.953.000
Cộng	<u>6.874.413.238</u>	<u>21.414.205.217</u>	<u>158.000.000</u>	<u>(18.170.447.200)</u>	<u>10.276.171.255</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19. Vốn chủ sở hữu

19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	149.982.580.000	38.251.503.465	102.005.720.714	290.239.804.179
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	56.403.318.554	56.403.318.554
Trích lập các quỹ trong năm	-	5.640.331.855	(14.352.329.638)	(8.711.997.783)
Chia cổ tức	-	-	(26.996.864.400)	(26.996.864.400)
Số dư cuối năm trước	149.982.580.000	43.891.835.320	117.059.845.230	310.934.260.550
Số dư đầu năm nay	149.982.580.000	43.891.835.320	117.059.845.230	310.934.260.550
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	-	(5.507.877.217)	(5.507.877.217)
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(29.996.516.000)	(29.996.516.000)
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	64.027.170.948	64.027.170.948
Trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm nay	-	6.402.717.095	(22.309.045.095)	(15.906.328.000)
Số dư cuối năm nay	149.982.580.000	50.294.552.415	123.273.577.866	323.550.710.281

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Một thành viên	88.500.000.000	88.500.000.000
Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Các cổ đông khác	61.482.580.000	61.482.580.000
Cộng	149.982.580.000	149.982.580.000

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp		Vốn điều lệ đã góp (VND)	Vốn điều lệ còn phải góp (VND)
	VND	Tỷ lệ (%)		
Công ty TNHH Một thành viên	88.500.000.000	59,01%	88.500.000.000	-
Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn				
Các cổ đông khác	61.482.580.000	40,99%	61.482.580.000	-
Cộng	149.982.580.000	100%	149.982.580.000	-

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	14.998.258	14.998.258
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	14.998.258	14.998.258

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19d. Phân phối lợi nhuận

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 số 2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 24 tháng 4 năm 2019 như sau:

	VND
Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2018	
• Chia cổ tức cho các cổ đông (bằng tiền 20% Vốn điều lệ)	: 29.996.516.000
• Trích bổ sung quỹ khen thưởng	: 5.507.877.217
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2019	
• Trích quỹ đầu tư phát triển (10%)	: 6.402.717.095
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 15.424.375.000
• Trích quỹ thưởng ban quản lý điều hành	: 481.953.000

Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2019 cũng thông qua phương án chi trả cổ tức năm 2018 và phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu, với tỷ lệ như sau: (i) 20% chi trả cổ tức bằng cổ phiếu, tương ứng số tiền 29.996.510.000 VND, từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến hết 31/12/2018; (ii) 13,3% phát hành tăng vốn bằng nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu, tương ứng số tiền 19.947.680.000 VND, từ nguồn Quỹ đầu tư phát triển lũy kế đến 31/12/2018. Tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ tức là 100:20 (có nghĩa là cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ nhận được thêm 20 cổ phiếu mới) và tỷ lệ thực hiện quyền nhận cổ phiếu từ phát hành cổ phiếu là 1000:133 (tức là cổ đông sở hữu 1000 cổ phần sẽ nhận được thêm 133 cổ phiếu mới). Theo đó, Đại hội đồng cổ đông đã ủy quyền cho Hội đồng quản trị lựa chọn thời điểm thích hợp để thực hiện việc phát hành cổ phiếu để chia cổ tức.

Theo Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 13 tháng 11 năm 2019, Hội đồng quản trị đã thống nhất thông qua chi tiết phương án phát hành cổ phiếu để chi trả cổ tức và tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu. Ngày 03 tháng 02 năm 2020, Công ty đã công bố thông tin về việc phát hành 2.999.651 cổ phiếu để trả cổ tức (mệnh giá 29.996.510.000 VND) và 1.994.768 cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu (mệnh giá 19.947.680.000 VND). Ngày đăng ký cuối cùng là ngày 21 tháng 02 năm 2020. Ngày giao dịch không hưởng quyền là 20 tháng 02 năm 2020.

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 161.847,84 USD (số đầu năm là 12.418,09 USD).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Doanh thu cung cấp dịch vụ	601.254.671.079	583.780.236.169

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho công ty con, công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2, Công ty còn phát sinh các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan không phải là công ty con, công ty liên kết như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	234.655.397.454	235.832.374.224
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.029.363.637	706.209.683
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	-	434.658.725
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	4.589.529.090	4.916.023.183
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Miền Trung	-	72.427.273
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	-	108.977.272
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	230.702.317	172.600.182
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	67.000.000	731.217.273
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	8.933.426.363	-
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	-	59.464.546

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	464.508.477.148	470.956.841.719

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	7.877.421.800	6.092.150.192
Cổ tức, lợi nhuận được chia	4.173.600.000	3.267.600.000
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	2.814.723	3.011.210
Cộng	12.053.836.523	9.362.761.402

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	6.573.560.485	9.412.895.305
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	16.053.840	123.851
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	6.829.087	1.702.844
Cộng	6.596.443.412	9.414.722.000

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.988.295.399	1.321.223.360
Chi phí quà tặng khách hàng	2.306.648.619	1.297.913.045
Các chi phí khác	4.562.031.339	1.821.664.487
Cộng	<u>8.856.975.357</u>	<u>4.440.800.892</u>

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	13.082.141.671	12.978.687.963
Chi phí vật liệu quản lý	832.527.047	847.865.749
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.512.188.842	982.465.043
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.454.327.022	1.225.920.265
Thuế, phí và lệ phí	63.959.111	48.627.920
Dự phòng phải thu khó đòi	1.474.370.573	1.438.682.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.581.414.176	7.319.572.461
Các chi phí khác	28.621.189.012	12.742.877.597
Cộng	<u>50.622.117.454</u>	<u>37.584.699.797</u>

7. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	131.688.308
Tiền thu thanh lý công cụ dụng cụ, phế liệu	-	535.000.000
Thu nộp phạt tiền nhiên liệu vượt định mức	357.514.077	883.237.427
Thu nhập từ bồi thường	314.867.398	-
Thu nhập khác	142.203.883	10.392.175
Cộng	<u>814.585.358</u>	<u>1.560.317.910</u>

8. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	372.262.711	-
Chi phí bồi thường tổn thất	425.613.632	78.838.580
Thưởng tiền nhiên liệu tiết kiệm so với định mức	451.871.851	907.345.833
Thuế bị phạt, bị truy thu	56.244.774	-
Chi phí khác	220.006.292	639.968.312
Cộng	<u>1.525.999.260</u>	<u>1.626.152.725</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.068.702.955	851.995.609
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(903.249.698)	(1.068.702.955)
Cộng	<u>165.453.257</u>	<u>(216.707.346)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

10. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	42.041.129.892	46.721.292.896
Chi phí nhân công	136.166.754.319	123.801.908.139
Chi phí khấu hao tài sản cố định	49.278.894.555	49.380.879.429
Chi phí dịch vụ mua ngoài	249.319.108.127	263.720.981.250
Chi phí khác	47.181.683.066	29.357.280.694
Cộng	<u>523.987.569.959</u>	<u>512.982.342.408</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. *Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương	1.830.317.558	1.849.736.161
Tiền thưởng	2.025.306.442	988.263.839
Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát	516.000.000	486.000.000
Cộng	<u>4.371.624.000</u>	<u>2.335.736.161</u>

1b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan khác</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tiếp Vận Cát Lái	Công ty con
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực (trước là Công ty TNHH Tân Cảng Hiệp Lực)	Công ty con (từ ngày 31 tháng 12 năm 2019)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Bên liên quan khác

Mối quan hệ

Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty liên kết (đến ngày 31 tháng 12 năm 2019)
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Biển Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Container Lạnh Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Bến Thành	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch phát sinh với các công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số V.2 cũng như các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác không phải là công ty con đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>		
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	19.363.104.853	18.300.703.591
Công ty mẹ cho thuê cơ sở hạ tầng	17.280.000.000	15.000.000.000
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ tư vấn	-	3.953.665.321
Công ty mẹ cho thuê phương tiện	506.400.000	893.100.000
Công ty mẹ cung cấp điện, nước, khám sức khỏe	3.056.032.725	3.023.282.668
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	17.700.000.000	15.930.000.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng</i>		
Chi phí xây dựng kho	-	840.065.868
<i>Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng</i>		
Cung cấp dịch vụ	3.874.171.300	2.769.552.400
Mua sắm tài sản cố định hữu hình	4.862.700.130	2.466.800.500

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các bên liên quan khác như sau:		
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Tân Cảng	6.263.866.091	28.853.798.917
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	-	2.722.002.700
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	3.107.052.634	3.416.467.229
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	11.230.754.709	7.632.050.982
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	1.901.355.287	5.152.289.755
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	356.459.400	394.369.470
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	1.813.347.194	3.522.203.014
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	288.995.000	136.847.942
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	1.064.550.000	1.145.760.500
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	328.459.000	725.853.091
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	106.780.000	-
Công ty Cổ phần TM và DV Container Lạnh Tân Cảng	18.000.000	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Bình Dương	2.703.368.182	-
Công ty Cổ phần M&R Tân Cảng	3.645.234.327	-

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.13, V.15 và V.16.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ngoài sự kiện đã nêu tại Thuyết minh V.19d, không còn sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Lập, ngày 27 tháng 2 năm 2020

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc

Trần Quang Thảo